

Bản án số: 24/2025/DS-ST.

Ngày: 05-08-2025.

V/v: “Tranh chấp hợp đồng
tín dụng”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Ngọc Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Ba.

Ông Lưu Đức Chung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nông Đình Triều - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 08 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai xét xử công khai vụ án thụ lý số 439/2024/TLST-DS ngày 28 tháng 10 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2025/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 06 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 68/2025/QĐ-ST ngày 14 tháng 07 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Công ty M (Việt Nam)**, địa chỉ: P, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông T, ông N, ông V cùng địa chỉ: Lầu A, số L, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

- Bị đơn: Ông H, sinh năm 1990 địa chỉ: Tổ K, ấp B, xã U, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Trong đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 09 năm 2024 của nguyên đơn Công ty M (Việt Nam) và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:**

Ngày K/06/2023, Công ty M (Việt Nam) (sau đây gọi tắt là Công ty M) ký Hợp đồng tín dụng số: 4654203 (sau đây gọi tắt là “Hợp đồng tín dụng”) về việc cấp tín dụng cho ông H với khoản vay trị giá 22.617.000 đồng (Bằng chữ: Hai mươi hai triệu, sáu trăm mười bảy nghìn đồng), trong đó bao gồm: 21.000.000 đồng tiền vay và 1.617.000 đồng tiền bảo hiểm khoản vay với lãi

suất 50%/năm. Thời hạn vay là 18 tháng kể từ ngày 25/06/2023 đến 25/11/2024.

Sau khi ký kết, Công ty M đã tiến hành giải ngân theo đúng quy định trong Hợp đồng tín dụng cho ông H với hình thức chuyển khoản qua số tài khoản ngân hàng mà ông H đã cung cấp. Qua đó, ông H có nghĩa vụ phải thanh toán số tiền hàng tháng cho phía Công ty M theo đúng thỏa thuận đã ký kết tại Hợp đồng tín dụng trên.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông H đã thanh toán được 03 kỳ với tổng số tiền: 3.351.646 đồng (Bằng chữ: Ba triệu, ba trăm năm mươi một nghìn, sáu trăm bốn mươi sáu đồng). Tuy nhiên, từ ngày 25/08/2023, ông H không trả thêm bất cứ khoản tiền nào đối với khoản vay mà phía Công ty M đã giải ngân, không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán của mình, để khoản vay quá hạn.

Công ty đã nhiều lần nhắc nhở, liên hệ qua điện thoại đề nghị ông H tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán nhưng ông H vẫn không có bất kỳ hành động thực tế nào đối với Công ty M.

Như vậy, ông H đã không thanh toán đúng hạn theo quy định của Hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết, vi phạm nghĩa vụ đối với Công ty M.

Tính đến ngày 05/08/2025, ông H đã không thanh toán, trễ hạn các khoản tiền như sau:

- Số nợ gốc còn lại chưa thanh toán (số tiền gốc phải thanh toán): 22.616.448 đồng
- Số tiền lãi quá hạn chưa thanh toán (số tiền lãi chưa trả tính từ kỳ 08 đến kỳ 14, chi tiết tại bảng Báo cáo thu hồi nợ vay hợp đồng tín dụng (đính kèm theo đơn khởi kiện)): 7.534.892 đồng
- Số tiền lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn ($150\% \times \text{lãi suất năm} \times \text{số tiền gốc phải trả mỗi kỳ} \times \text{số ngày trễ hạn} / 365 \text{ ngày}$): 20.617.067 đồng
- Số tiền lãi chậm trả tính trên lãi quá hạn chưa thanh toán ($10\% \times \text{số tiền lãi phải thanh toán mỗi kỳ} \times \text{số ngày trễ hạn} / 365 \text{ ngày}$): 1.139.456 đồng

Như vậy, tính đến ngày 05/08/2025 số tiền ông H phải thanh toán (bao gồm dư nợ gốc, lãi) là: 51.907.864 đồng (Bằng chữ: Năm mươi một triệu, chín trăm lẻ bảy nghìn, tám trăm sáu mươi bốn đồng).

Vì vậy, bằng văn bản này Công ty M (Việt Nam) xác nhận yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án là buộc ông H phải thanh toán toàn bộ khoản vay cho Công ty M (bao gồm dư nợ gốc còn lại của khoản vay, lãi, phí) tính đến ngày 05/08/2025 với tổng số tiền là: 51.907.864 đồng (Bằng chữ: Năm mươi một triệu, chín trăm lẻ bảy nghìn, tám trăm sáu mươi bốn đồng). Đồng thời, ông H phải thanh lãi phát sinh từ 06/08/2025 đến khi đến khi hoàn tất việc thanh toán khoản vay nói trên.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã làm thủ tục tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn- ông H không hợp tác đến Tòa án để giải quyết nên không có ý kiến.*

** Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2-Đồng Nai:*

Thẩm phán thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, việc thu thập chứng cứ thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đảm bảo đúng trình tự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn- Công ty M (Việt Nam). Về án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Công ty M và ông H có ký kết Hợp đồng tín dụng số 4654203. Do ông H vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Công ty M khởi kiện. Do đó, quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Bị đơn- ông H có nơi cư trú tại xã U, huyện I nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện I, tỉnh Đồng Nai (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai) theo quy định tại các Điều 26, 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Qua xác minh tại Công an xã U, huyện I, tỉnh Đồng Nai thì ông H có đăng ký thường trú và đang ở tại tổ K, ấp B, xã U, huyện I, tỉnh Đồng Nai (nay là xã U, tỉnh Đồng Nai). Bị đơn- ông H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt ông H. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn-ông T vắng mặt tại phiên tòa và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt ông T.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Hợp đồng tín dụng số 4654203 giữa Công ty M và ông H được ký kết trên cơ sở tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật. Số tiền vay: 21.000.000 đồng; phí bảo hiểm: 1.617.000 đồng; Mục đích vay: Khác; Thời hạn vay: 18 tháng; Lãi suất vay: 4.17%/ngày, hay 50.0%/năm.

[3.2] Quá trình thực hiện hợp đồng, ông H vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng đã ký từ ngày 25/08/2023. Tính đến ngày 05/08/2025, ông H còn nợ của Công ty tổng cộng là 51.907.864 đồng, trong đó: nợ gốc là 22.616.448 đồng, nợ lãi quá hạn là 7.534.892 đồng, lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn là 20.617.067 đồng, lãi chậm trả tính trên lãi quá hạn chưa thanh toán là 1.139.456 đồng.

[3.3] Bị đơn- ông H đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không hợp tác đến Tòa án giải quyết nên không có ý kiến.

[3.4] Do đó, có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn-Công ty M, buộc ông H phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty M số tiền nợ tính đến ngày 05/08/2025 tổng cộng là 51.907.864 đồng, trong đó: nợ gốc là 22.616.448 đồng, nợ lãi quá hạn là 7.534.892 đồng, lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn là 20.617.067 đồng, lãi chậm trả tính trên lãi quá hạn chưa thanh toán là 1.139.456 đồng.

Ông H phải tiếp tục chịu lãi kể từ ngày 6/08/2025 cho đến khi ông H thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký.

[4] Về án phí:

[4.1] Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn- Công ty M, ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.595.393 đồng.

[4.2] Hoàn trả cho nguyên đơn- Công ty M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.117.500 đồng theo biên lai thu số 0K6461 ngày 17/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện I (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 2 tỉnh Đồng Nai).

[5] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2K5.

Căn cứ Điều 357, 463 Bộ luật Dân sự năm 2K5.

Căn cứ Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng.

Căn cứ Điều 13 Thông tư số 39/2K6/NHNN ngày 30/12/2K6 về quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2K6/UBTVQH14 ngày 30/12/2K6 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn- Công ty M (Việt Nam) về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” đối với bị đơn-ông H.

Xử buộc ông H phải có trách nhiệm thanh toán cho Công ty M (Việt Nam) số tiền nợ gốc là 22.616.448 đồng, nợ lãi quá hạn tính ngày 05/08/2025 là 7.534.892 đồng, lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn tính ngày 05/08/2025 là 20.617.067 đồng, lãi chậm trả tính trên lãi quá hạn chưa thanh toán tính ngày 05/08/2025 là 1.139.456 đồng. Tổng cộng là 51.907.864 (năm mươi một triệu chín trăm lẻ bảy ngàn tám trăm sáu mươi bốn) đồng.

Ông H phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh đối với số tiền chậm thanh toán

theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 4654203 kể từ ngày 06/08/2025 đến khi thanh toán xong số nợ trên.

2. Về án phí: Bị đơn- ông H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.595.393 (hai triệu năm trăm chín mươi lăm ngàn ba trăm chín mươi ba) đồng.

Hoàn trả cho nguyên đơn- Công ty M (Việt Nam) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.117.500 đồng theo biên lai thu số 0K6461 ngày 17/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện I (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 2 tỉnh Đồng Nai).

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Ba – Lưu Đức Chung

Đào Ngọc Nam

*** Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Lưu.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Ngọc Nam